

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT
KHOA ĐIỆN – ĐIỆN TỬ

BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 884/QĐ-ĐHSPKT, ngày 05 tháng 5 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật)

NGÀNH

CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỀU KHIỂN VÀ
TỰ ĐỘNG HOÁ

TRÌNH ĐỘ: ĐẠI HỌC

MÃ NGÀNH: 7510303

Đà Nẵng, 08/2025

I. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Thông tin chung

1. Tên chương trình đào tạo (tiếng Việt):	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hoá
2. Tên chương trình đào tạo (tiếng Anh):	Automation and Control Engineering Technology
3. Tên chuyên ngành (nếu có):	
4. Trình độ đào tạo:	Đại học
5. Mã ngành đào tạo:	7510303
6. Đối tượng tuyển sinh:	Học sinh tốt nghiệp PTTH hoặc tương đương
7. Thời gian đào tạo:	4,5 năm
8. Hình thức đào tạo:	Chính quy
9. Số tín chỉ yêu cầu:	159
10. Ngôn ngữ sử dụng:	Tiếng việt
11. Khoa quản lý:	Điện – Điện tử
12. Thang điểm:	Thang điểm 4
13. Điều kiện tốt nghiệp:	Sinh viên được xét công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau: 1. Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập; 2. Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo; 3. Điểm trung bình chung tích lũy toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên; 4. Có chứng chỉ Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng; 5. Đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam hoặc tương đương; 6. Đạt yêu cầu về kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin đối với sinh viên bậc đại học của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật; 7. Đạt chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo.
14. Văn bằng tốt nghiệp:	Kỹ sư
15. Vị trí việc làm:	Người học tốt nghiệp trình độ Kỹ sư ngành Công nghệ Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa có khả năng làm việc tại các vị trí liên quan đến nghiên cứu, thiết kế, vận hành, quản lý thiết bị và hệ thống và quản trị trong lĩnh vực

	điều khiển tự động hóa và các doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp nước ngoài.
16. Khả năng nâng cao trình độ:	Sinh viên tốt nghiệp chương trình này có thể dự tuyển chương trình đào tạo thạc sĩ và tiến sĩ cùng ngành và các ngành gần
17. Chương trình đào tạo đối sánh:	1. Chương trình giáo dục Đại học ngành Công nghệ Kỹ thuật điều khiển & Tự động hóa Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh. 2. Chương trình giáo dục Đại học ngành Kỹ thuật điều khiển & Tự động hóa Đại học Bách khoa TP. HCM.
18. Ban hành:	Theo Quyết định số <u>9.89</u> .../QĐ-ĐHSPKT, ngày <u>05</u> tháng <u>9</u> năm <u>2015</u> của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật

1.2. Mục tiêu đào tạo

1.2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu ứng dụng công nghệ; có khả năng học tập suốt đời, khả năng đổi mới sáng tạo, tư duy khởi nghiệp, thích ứng với môi trường làm việc và có trách nhiệm nghề nghiệp; có sức khỏe, có ý thức phục vụ cộng đồng, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế.

1.2.2. Mục tiêu cụ thể

TT	Mục tiêu
O1	Có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên - xã hội, khoa học chính trị và pháp luật.
O2	Có kiến thức thực tế, kiến thức lý thuyết sâu, rộng ở mức độ làm chủ kiến thức về lĩnh vực Điều khiển và Tự động hoá.
O3	Có kỹ năng phân biện, phân tích, tổng hợp và đánh giá dữ liệu khoa học; kỹ năng nghiên cứu, phát triển, đổi mới sử dụng công nghệ; có khả năng đổi mới sáng tạo, tư duy khởi nghiệp; kỹ năng phổ biến, truyền bá tri thức, tự định hướng, thích nghi với sự thay đổi.
O4	Có khả năng hướng dẫn người khác thực hiện nhiệm vụ; có khả năng quản lý, đánh giá, cải tiến để nâng cao hiệu quả công tác.

1.3. Chuẩn đầu ra

TT	Chuẩn đầu ra CTĐT
PLO1	Vận dụng các kiến thức liên ngành khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, pháp luật, chính trị, kỹ thuật và công nghệ để xác định, phân tích và giải quyết các vấn đề kỹ thuật phức tạp trong lĩnh vực Điều khiển và Tự động hoá.

PLO 2	Phát triển và tiến hành thí nghiệm, phân tích và giải thích dữ liệu, đánh giá và đưa ra các kết luận, đề xuất về sử dụng các giải pháp công nghệ đáp ứng nhu cầu công việc chuyên môn trong lĩnh vực Điều khiển và Tự động hoá.
PLO3	Thiết kế được các hệ thống trong lĩnh vực điều khiển và Tự động hoá đáp ứng được các yêu cầu cụ thể có quan tâm đến con người, môi trường, cộng đồng và các vấn đề toàn cầu.
PLO4	Vận hành, bảo dưỡng hệ thống, máy móc thiết bị trong lĩnh vực Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hoá.
PLO5	Nhận thức về đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp trong các tình huống và giải pháp kỹ thuật.
PLO6	Có chiến lược học tập suốt đời và thường xuyên cập nhật kiến thức chuyên môn để thích ứng với sự phát triển của lĩnh vực điều khiển và Tự động hoá
PLO7	Có năng lực giao tiếp và thuyết trình bằng văn bản, lời nói, tài liệu kỹ thuật, đồ họa; sử dụng được ngoại ngữ trong giao tiếp và công việc chuyên môn.
PLO8	Hợp tác hiệu quả trong nhóm với vai trò thành viên để hoàn thành các nhiệm vụ kỹ thuật phức tạp.
PLO9	Có tư duy phản biện, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp; kỹ năng quản trị, quản lý, đánh giá và cải tiến hiệu quả các hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hoá.

Mối liên hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT:

Mục tiêu	Chuẩn đầu ra CTĐT								
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9
O1	X								
O2	X	X	X	X					
O3	X	X			X	X	X	X	X
O4					X		X	X	X

1.4. Cơ hội nghề nghiệp

Kỹ sư vận hành, lắp đặt, bảo trì, bảo dưỡng các thiết bị điện tử trong các hệ thống sản xuất, điều khiển trong công nghiệp.

Kỹ sư thiết kế, cán bộ kỹ thuật, cán bộ điều hành tại các cơ quan, công ty, nhà máy, xí nghiệp hoạt động trong lĩnh vực Tự động hoá.

Cán bộ kỹ thuật ở các phòng kinh doanh nghiệp vụ về thiết bị điện dân dụng và công nghiệp.

Tham gia giảng dạy ở các cơ sở đào tạo các cấp thuộc chuyên ngành Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá.

1.5. Tuyển sinh - điều kiện nhập học

Thí sinh đăng ký xét tuyển theo các phương thức được công bố trong đề án tuyển sinh hàng năm. Điểm xét tuyển là điểm của tổ hợp môn được công bố trong thông báo tuyển sinh hàng năm. Thí sinh phải đạt tiêu chuẩn đảm bảo chất lượng đầu vào do Bộ Giáo dục và Đào tạo và Hội đồng tuyển sinh Đại học Đà Nẵng quy định, đồng thời đạt điểm chuẩn xét tuyển vào ngành do Hội đồng tuyển sinh công bố ở mỗi đợt xét tuyển.

1.6. Quá trình đào tạo

Chương trình đào tạo được triển khai theo học chế tín chỉ. Quá trình đào tạo tuân thủ theo quy định, quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của Đại học Đà Nẵng và của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật. Mỗi năm học có 2 học kỳ chính và một học kỳ hè. Số giờ lên lớp trung bình 20 tiết/tuần. Cách thức kiểm tra đánh giá được qui định trong đề cương chi tiết của mỗi học phần.

1.7. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên được công nhận tốt nghiệp phải thỏa mãn các tiêu chí công nhận tốt nghiệp theo quy chế đào tạo tín chỉ của Giáo dục và Đào tạo, có các chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất, đồng thời phải đáp ứng các yêu cầu về chuẩn đầu ra của nhà trường về Ngoại ngữ, Tin học.

1.8. Khả năng phát triển nghề nghiệp:

Sinh viên tốt nghiệp có cơ hội học lên bậc sau đại học: Thạc sĩ - Tiến sĩ;

Sinh viên có khả năng chuyển đổi ngành hoặc học thêm ngành thứ 2 phù hợp với ngành đào tạo;

Có khả năng tự học để thích ứng với môi trường làm việc và khả năng học tập suốt đời.

1.9. Chiến lược giảng dạy - học tập (Khoa, Bộ môn bổ sung điều chỉnh nội dung này phù hợp với thực tiễn giảng dạy của ngành đào tạo)

Các chiến lược và phương pháp dạy học được sử dụng trong chương trình đào tạo cụ thể như sau:

1.9.1. Chiến lược dạy học trực tiếp

Dạy học trực tiếp là chiến lược dạy học trong đó thông tin được chuyển tải đến với người học theo cách trực tiếp, giảng viên trình bày và sinh viên lắng nghe. Chiến lược dạy học này thường được áp dụng trong các lớp học truyền thống và tỏ ra có hiệu quả khi muốn truyền đạt cho người học những thông tin cơ bản, giải thích một kỹ năng mới.

Các phương pháp giảng dạy theo chiến lược này được áp dụng gồm phương pháp giải thích cụ thể (Explicit Teaching), thuyết giảng (Lecture) và phương pháp tham luận (Guest Lecture)

+ Giải thích cụ thể (Explicit Teaching): Đây là phương pháp thuộc chiến lược dạy học trực tiếp trong đó giảng viên hướng dẫn và giải thích chi tiết cụ thể các nội dung liên quan đến bài học, giúp cho sinh viên đạt được mục tiêu dạy học về kiến thức và kỹ năng.

+ Thuyết giảng (Lecture): Giảng viên trình bày nội dung bài học và giải thích các nội dung trong bài giảng. Giảng viên là người thuyết trình, diễn giảng. Sinh viên chỉ nghe giảng và thỉnh thoảng ghi chú để tiếp nhận các kiến thức mà giảng viên truyền đạt.

+ Tham luận (Guest lecture): Theo phương pháp này, sinh viên được tham gia vào các khóa học mà người diễn giảng, thuyết trình không phải là giảng viên mà là những người đến từ các doanh nghiệp bên ngoài. Thông qua những kinh nghiệm và hiểu biết của diễn giảng để giúp sinh viên hình thành kiến thức tổng quan hay cụ thể về chuyên ngành đào tạo.

1.9.2. Chiến lược dạy học gián tiếp

Dạy học gián tiếp là chiến lược dạy học trong đó người học được tạo điều kiện trong quá trình học tập mà không cần có bất kỳ hoạt động giảng dạy công khai nào được thực hiện bởi giảng viên. Đây là tiến trình dạy học tiếp cận hướng đến người học, lấy người học làm trung tâm, trong đó giảng viên không trực tiếp truyền đạt nội dung bài học đến với sinh viên mà thay vào đó, sinh viên được khuyến khích tham gia tích cực trong tiến trình học, sử dụng kỹ năng tư duy phản biện để giải quyết vấn đề.

Các phương pháp giảng dạy theo chiến lược này được áp dụng gồm câu hỏi gợi mở (Inquiry), giải quyết vấn đề (Problem Solving), học theo tình huống (Case Study).

+ Câu hỏi gợi mở (Inquiry): Trong tiến trình dạy học, giảng viên sử dụng các câu hỏi gợi mở hay các vấn đề, và hướng dẫn giúp sinh viên từng bước trả lời câu hỏi. Sinh viên có thể tham gia thảo luận theo nhóm để cùng nhau giải quyết bài toán, vấn đề đặt ra.

+ Giải quyết vấn đề (Problem Solving): Trong tiến trình dạy và học, người học làm việc với vấn đề được đặt ra và học được những kiến thức mới thông qua việc đối mặt với vấn đề cần giải quyết. Thông qua quá trình tìm giải pháp cho vấn đề đặt ra, sinh viên đạt được kiến thức và kỹ năng theo yêu cầu của môn học.

+ Học theo tình huống (Case Study): Đây là phương pháp hướng đến cách tiếp cận dạy học lấy người học làm trung tâm, giúp người học hình thành kỹ năng tư duy phản biện, giao tiếp. Theo phương pháp này, giảng viên liên hệ các tình huống, vấn đề hay thách thức trong thực tế và yêu cầu sinh viên giải quyết, giúp sinh viên hình thành kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng ra quyết định cũng như kỹ năng nghiên cứu.

1.9.3. Học trải nghiệm

Học trải nghiệm là chiến lược dạy học trong đó người học tiếp nhận được kiến thức và kỹ năng thông qua những gì mà họ được trải nghiệm qua thực hành, thực tế quan sát và cảm nhận. Họ học thông qua làm và trải nghiệm.

Các phương pháp dạy học được áp dụng theo chiến lược dạy học này gồm mô hình (Models), thực tập, thực tế (Field Trip), thí nghiệm (Experiment), dự án (Project) và nhóm nghiên cứu học tập (Study Research Team).

+ Mô hình (Models): là phương pháp dạy học trong đó, sinh viên thông qua việc quan sát và quá trình xây dựng, thiết kế mô hình mà giảng viên yêu cầu để đạt được nội dung kiến thức và kỹ năng được đặt ra.

+ Thực tập, thực tế (Field Trip): Thông qua các hoạt động tham quan, thực tập, đi thực tế tại công trường và các công ty để giúp sinh viên hiểu được môi trường làm việc thực tế của ngành đào tạo sau khi tốt nghiệp, học hỏi các công nghệ đang được áp dụng trong lĩnh vực ngành đào tạo, hình thành kỹ năng nghề nghiệp và văn hóa làm việc trong công ty. Phương pháp này không những giúp sinh viên hình thành kiến thức kỹ năng mà còn tạo cơ hội nghề nghiệp cho sinh viên sau khi tốt nghiệp.

+ Thí nghiệm (Experiment): Là phương pháp dạy học trong đó giảng viên sử dụng các thao tác thí nghiệm, sinh viên quan sát và thực hành các thí nghiệm đó theo hướng dẫn của giảng viên. Từ đó hướng đến mục tiêu dạy học.

+ Dự án (Project): Là phương pháp học trong đó giảng viên tổ chức cho sinh viên học thông qua các dự án hay công trình thực tế. Dự án ở đây được hiểu là những nhiệm vụ phức tạp từ các vấn đề mang tính chất kích thích người học tìm hiểu, khám phá. Từ đây người học sẽ tham gia vào thiết kế, đưa ra quyết định hay khảo sát các hoạt động có liên quan đến dự án. Với phương pháp học này, người học sẽ phải làm việc theo nhóm và khám phá những vấn đề gắn liền với cuộc sống, sau đó sẽ thuyết trình trước lớp và chia sẻ những gì họ đã làm được trong dự án của mình. Phương pháp học dựa trên dự án chú trọng tới những hoạt động học có tính chất lâu dài và liên môn, liên ngành và thường gắn với những vấn đề nảy sinh từ đời sống hiện tại. Bên cạnh đó, phương pháp học dựa trên dự án còn tạo ra những cơ hội nhằm giúp người học theo đuổi được những sở thích của mình, và tự mình đưa ra quyết định về câu trả lời hay tìm ra giải pháp cho các vấn đề trình bày trong dự án.

+ Nhóm nghiên cứu học tập (Study Research Team): Sinh viên được khuyến khích tham gia vào các dự án, nhóm nghiên cứu và giảng dạy của giảng viên, giúp hình thành năng lực nghiên cứu và kỹ năng sáng tạo. Từ đó, tạo tiền đề cho sinh viên tiếp tục học tập cao hơn ở bậc học thạc sĩ, tiến sĩ sau khi hoàn thành chương trình đào tạo và tốt nghiệp.

1.9.4. Dạy học tương tác

Đây là chiến lược dạy và học trong đó, giảng viên sử dụng kết hợp nhiều hoạt động trong lớp học như đặt vấn đề hay câu hỏi gợi mở và yêu cầu sinh viên thảo luận, tranh luận để giải quyết vấn đề đó. Giảng viên với vai trò hướng dẫn sinh viên từng bước giải quyết vấn đề. Từ đó giúp sinh viên đạt được mục tiêu dạy học. Sinh viên có thể học từ bạn học hay từ giảng viên để phát triển các kỹ năng xã hội, kỹ năng tư duy phản biện, giao tiếp, đàm phán để đưa ra quyết định.

Các kỹ thuật, phương pháp được áp dụng theo chiến lược này gồm có phương pháp tranh luận (Debate), thảo luận (Discussions), học nhóm (Peer Learning).

+ Tranh luận (Debates): là tiến trình dạy học trong đó giảng viên đưa ra một vấn đề liên quan đến nội dung bài học, sinh viên với các quan điểm trái ngược nhau về vấn đề đó phải phân tích, lý giải, thuyết phục người nghe ủng hộ quan điểm của mình. Thông qua hoạt động dạy học này, sinh viên hình thành các kỹ năng như tư duy phản biện, thương lượng và đưa ra quyết định hay kỹ năng nói trước đám đông.

+ Thảo luận (Discussion): Là phương pháp dạy học trong đó sinh viên được chia thành các nhóm và tham gia thảo luận về những quan điểm cho một vấn đề nào đó được giảng viên đặt ra. Khác với phương pháp tranh luận, trong phương pháp thảo luận, người học với cùng quan điểm mục tiêu chung và tìm cách bổ sung để hoàn thiện quan điểm, giải pháp của mình.

+ Học nhóm (Peer Learning): Sinh viên được tổ chức thành các nhóm nhỏ để cùng nhau giải quyết các vấn đề được đặt ra và trình bày kết quả của nhóm thông qua báo cáo hay thuyết trình trước các nhóm khác và giảng viên

1.9.5. Tự học

Chiến lược tự học được hiểu là tất cả các hoạt động học của người học được thực hiện bởi các cá nhân người học với rất ít hoặc không có sự hướng dẫn của giảng viên. Đây là một quá trình giúp sinh viên tự định hướng việc học của mình theo kinh nghiệm học tập của bản thân, có quyền tự chủ và điều khiển hoạt động học của họ thông qua các bài tập, dự án hay vấn đề mà giảng viên gợi ý, hướng dẫn ở lớp.

Phương pháp học theo chiến lược này được áp dụng chủ yếu là phương pháp bài tập ở nhà (Work Assignment). Theo phương pháp này, sinh viên được giao nhiệm vụ làm việc ở nhà với những nội dung và yêu cầu do giảng viên đặt ra. Thông qua việc hoàn thành các nhiệm vụ được giao ở nhà này, sinh viên học được cách tự học, cũng như đạt được những nội dung về kiến thức cũng như kỹ năng theo yêu cầu.

1.9.6. Dạy học trực tuyến

Học tập trực tuyến (e-learning) là phương thức học tập trong đó sinh viên dùng các thiết bị kết nối Internet để có thể kết nối với giảng viên thông qua các công cụ dạy học thời gian thực, truy cập nguồn tài nguyên học tập được lưu trữ trên các nền tảng số. Giảng viên tương tác từ xa và có thể gửi học liệu số (hay học liệu điện tử) là tập hợp các phương tiện điện tử phục vụ dạy và học, bao gồm: giáo trình điện tử, tài liệu tham khảo điện tử, bài kiểm tra đánh giá điện tử, bản trình chiếu, bảng dữ liệu, các tệp âm thanh, hình ảnh, video, bài giảng điện tử, phần mềm dạy học, thí nghiệm mô phỏng và các học liệu được số hóa khác cho người học thông qua các hệ thống quản lý học tập LMS (Learning Management System).

E-learning với những ưu điểm trong dạy học làm thay đổi mạnh mẽ kỹ năng tự học của người học do khả năng cá nhân hóa cũng như đáp ứng hiệu quả các hoạt động học tập của người học. Cùng với sự phát triển của công nghệ, việc xây dựng môi trường học tập

trực tuyến hiện đại, xây dựng các nội dung giảng dạy trực tuyến được phát triển theo hướng ngày càng tiếp cận gần hơn với người học.

1.10. Phương pháp đánh giá (Khoa, Bộ môn bổ sung điều chỉnh nội dung này phù hợp với thực tiễn giảng dạy của ngành đào tạo)

Các phương pháp đánh giá được chia thành 2 loại chính là đánh giá theo tiến trình (On-going/Formative Assessment) và đánh giá tổng kết/định kỳ (Summative Assessment).

1.10.1. Đánh giá tiến trình (On-going/Formative Assessment)

Mục đích của đánh giá tiến trình là nhằm cung cấp kịp thời các thông tin phản hồi của người dạy và người học về những tiến bộ cũng như những điểm cần khắc phục xuất hiện trong quá trình dạy học.

Các phương pháp đánh giá cụ thể với loại đánh giá tiến trình được áp dụng gồm: đánh giá chuyên cần (Attendance Check), đánh giá bài tập (Work Assignment), và đánh giá thuyết trình (Oral Presentation)

+ Đánh giá chuyên cần (Attendance Check): Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên của sinh viên cũng như những đóng góp của sinh viên trong khóa học cũng phản ánh thái độ học tập của họ đối với khóa học.

+ Đánh giá bài tập (Work Assignment): Người học được yêu cầu thực hiện một số nội dung liên quan đến bài học trong giờ học hoặc sau giờ học trên lớp. Các bài tập này có thể được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm.

+ Đánh giá thuyết trình (Oral Presentaion): Trong một số môn học thuộc chương trình đào tạo, sinh viên được yêu cầu yêu làm việc theo nhóm để giải quyết một vấn đề, tình huống hay nội dung liên quan đến bài học và trình bày kết quả của nhóm mình trước các nhóm khác. Hoạt động này không những giúp sinh viên đạt được những kiến thức chuyên ngành mà còn giúp sinh viên phát triển các kỹ năng như kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm.

1.10.2. Đánh giá tổng kết/định kỳ (Summative Assessment)

Mục đích của loại đánh giá này là đưa ra những kết luận, phân hạng về mức độ đạt được mục tiêu và chất lượng đầu ra, sự tiến bộ của người học tại thời điểm ấn định trong quá trình dạy học gồm đánh giá cuối chương trình học, đánh giá giữa học kỳ, và đánh giá cuối học kỳ.

Các phương pháp đánh giá được sử dụng trong loại đánh giá này gồm có: Kiểm tra viết (Written Exam), Kiểm tra trắc nghiệm (Multiple choice Exam), Bảo vệ và thi vấn đáp (Oral Exam), Báo cáo (Written Report), Thuyết trình (Oral Presentation), đánh giá làm việc nhóm (Teamwork Assesment) và Đánh giá đồng cấp (Peer Assessment)

+ Kiểm tra viết (Written Exam): Theo phương pháp đánh giá này, sinh viên được yêu cầu trả lời một số câu hỏi, bài tập hay ý kiến cá nhân về những vấn đề liên quan đến yêu

cầu chuẩn đầu về kiến thức của học phần và được đánh giá dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Thang điểm đánh giá được sử dụng trong phương pháp đánh giá này là thang 10. Số lượng câu hỏi trong bài đánh giá được thiết kế tùy thuộc vào yêu cầu nội dung kiến thức của học phần.

+ Kiểm tra trắc nghiệm (Multiple choice exam): Phương pháp đánh giá này tương tự như phương pháp kiểm tra viết, sinh viên được yêu cầu trả lời các câu hỏi liên quan dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Điểm khác là trong phương pháp đánh giá này sinh viên trả lời các câu hỏi yêu cầu dựa trên các gợi ý trả lời cũng được thiết kế và in sẵn trong đề thi.

+ Bảo vệ và thi vấn đáp (Oral Exam): Trong phương pháp đánh giá này, sinh viên được đánh giá thông qua phỏng vấn, hỏi đáp trực tiếp.

+ Báo cáo (Written Report): Sinh viên được đánh giá thông qua sản phẩm báo cáo của sinh viên, bao gồm cả nội dung trình bày trong báo cáo, cách thức trình bày thuyết minh, bản vẽ/ hình ảnh trong báo cáo.

+ Đánh giá thuyết trình (Oral Presentaion): Phương pháp đánh giá này hoàn toàn giống với phương pháp đánh giá thuyết trình. Đánh giá được thực hiện theo định kỳ (giữa kỳ, cuối kỳ, hay cuối khóa).

+ Đánh giá làm việc nhóm (Peer Assessment): Đánh giá làm việc nhóm được áp dụng khi triển khai hoạt động dạy học theo nhóm và được dùng để đánh giá kỹ năng làm việc nhóm của sinh viên.

II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

2.1. Khung chương trình dạy học

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ			Số tín chỉ	HP tiên quyết(*) HP học trước (-) HP song hành(+)
			LT - BT	TH - TN	Th . tập		
1. Kiến thức Giáo dục Đại cương							
1.1. Các học phần bắt buộc							
1	KD5319001	Đại số tuyến tính	2	0	0	2	
2	KD5319002	Giải tích I	3	0	0	3	
3	KD5413008	Tiếng Anh A2.1	3	0	0	3	Tiếng Anh cơ bản(*)
4	KD5413009	Tiếng Anh A2.2	2	0	0	2	Tiếng Anh A2.1(-)
5	KD5413010	Tiếng Anh A2.3	2	0	0	2	Tiếng Anh A2.2(-)

6	KD5413011	Tiếng Anh B1.1	2	0	0	2	Tiếng Anh A2.3(-)
7	KD5413012	Tiếng Anh B1.2	2	0	0	2	Tiếng Anh B1.1(-)
8	KD5505251	Tin học cơ bản	1	1	0	2	
9	KD5305004	Vật Lý Điện - Từ	2	0	0	2	
10	KD5504085	Vẽ kỹ thuật	2	0	0	2	
11	KD5319003	Giải tích II	2	0	0	2	Giải tích I (-)
12	KD5502003	Kỹ năng giao tiếp	1	0	0	1	
13	KD5502004	Kỹ năng làm việc nhóm	1	0	0	1	
14	KD5209005	Triết học Mác-Lênin	3	0	0	3	
15	KD5505108	Toán chuyên ngành	2	0	0	2	Giải tích I (-)
16	KD5209006	Kinh tế chính trị	2	0	0	2	Triết học Mác-Lênin(-)
17	KD5505310	Ngoại ngữ chuyên ngành	2	0	0	2	Tiếng Anh A2.3 (-)
18	KD5319005	Xác suất Thống kê	2	0	0	2	Giải tích I (-)
19	KD5209007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	0	0	2	Triết học Mác-Lênin (-)
20	KD5209004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	0	0	2	Triết học Mác-Lênin (-)
21	KD5209008	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	0	0	2	Triết học Mác-Lênin (-)
22	KD5211005	Pháp luật đại cương	2	0	0	2	
Tổng số tín chỉ phải tích lũy bắt buộc học phần đại cương							45
Tổng số tín chỉ phải tích lũy học phần giáo dục đại cương							45
1.2. Các học phần tự chọn tự do							
1	KD5413007	Tiếng Anh cơ bản	3	0	0	3	
1.3. Các học phần tích lũy Chứng chỉ thể chất & Chứng chỉ quốc phòng							

1	KD5502001	Giáo dục quốc phòng	0	0	8	8	
2	KD5013001	Giáo dục thể chất I	0	1	0	1	
3	KD5013002	Giáo dục thể chất II	0	1	0	1	
4	KD5013003	Giáo dục thể chất III	0	1	0	1	
5	KD5013004	Giáo dục thể chất IV	0	1	0	1	

2. Kiến thức Giáo dục Chuyên nghiệp

2.1. Các học phần cơ sở - bắt buộc

1	KD5505334	Nhập môn ngành KTĐK & TĐH	2	0	0	2	
2	KD5505078	TH nhập môn ngành KTĐK & TĐH	0	1	0	1	Nhập môn ngành KTĐK & TĐH (+)
3	KD5505010	Điện tử cơ bản	3	0	0	3	Lý thuyết mạch I (+)
4	KD5505033	Khí cụ điện	2	0	0	2	Lý thuyết mạch I (+)
5	KD5505050	Lý thuyết mạch I	2	0	0	2	Đại số tuyến tính (-), Giải tích I (-)
6	KD5505001	An toàn điện	1	0	0	1	Lý thuyết mạch I (-)
7	KD5505027	Đo lường điện - điện tử	2	0	0	2	Lý thuyết mạch I (-)
8	KD5505048	Kỹ thuật xung số	3	0	0	3	Điện tử cơ bản (-)
9	KD5505371	Cơ sở lý thuyết mạch II	2	0	0	2	Lý thuyết mạch I (-) Toán chuyên ngành (-)
10	KD5505055	Máy điện I	2	0	0	2	Lý thuyết mạch I (-)
11	KD5505066	TH Điện tử	0	2	0	2	Điện tử cơ bản (-)
12	KD5505102	TN mạch điện	0	1	0	1	Lý thuyết mạch I (-)
13	KD5505011	Điện tử công suất	3	0	0	3	Điện tử cơ bản (-)
14	KD5505035	Kỹ thuật cảm biến	2	0	0	2	Điện tử cơ bản (-)

15	KD5505056	Máy điện II	2	0	0	2	Máy điện I (-)
16	KD5505086	TH Xung số & ứng dụng	0	2	0	2	Kỹ thuật xung số (-)
17	KD5505105	TN Máy điện	0	1	0	1	Máy điện II (+) TN mạch điện (-)
18	KD5505006	Cung cấp điện	2	0	0	2	Lý thuyết mạch I (-)
19	KD5505372	TH máy điện cơ bản	0	1	0	1	Máy điện II (-)
20	KD5505099	TN Điện tử công suất	0	1	0	1	Điện tử công suất (-)
21	KD5505100	TN Đo lường và Cảm biến	0	1	0	1	Đo lường điện-điện tử(-), Kỹ thuật cảm biến (-)
22	KD5505107	TN Truyền động điện	0	1	0	1	Truyền động điện (+)
23	KD5505111	Truyền động điện	2	0	0	2	Máy điện II (-)
24	KD5505373	Đồ án Điện tử công suất và truyền động điện	0	0	2	2	TN Điện tử công suất (-) TN Truyền động điện (-)
25	KD5505041	Kỹ thuật điều khiển tự động	2	0	0	2	Tin học ứng dụng (-)
26	KD5505374	Đồ án thiết kế hệ thống điều khiển tự động	0	0	2	2	Kỹ thuật điều khiển tự động (-)
27	KD5505044	Kỹ thuật Robot	2	0	0	2	Kỹ thuật điều khiển tự động (-)
Tổng số tín chỉ phải tích lũy các học phần cơ sở bắt buộc						49	

2.2. Các học phần chuyên ngành - bắt buộc

1	KD5505335	Kỹ thuật lập trình C	2	0	0	2	
2	KD5505311	Tin học ứng dụng	2	0	0	2	Đại số tuyến tính (-)
3	KD5505014	Điều khiển logic	3	0	0	3	Kỹ thuật xung số (-)
4	KD5505046	Kỹ thuật vi điều khiển	3	0	0	3	Kỹ thuật lập trình C (-), Kỹ thuật xung số (-)

5	KD5505053	Mạng T. thông C. nghiệp & Hệ SCADA	2	0	0	2	Điều khiển logic (-)
6	KD5505091	TH điện công nghiệp	0	2	0	2	Truyền động điện (-) TH Thiết kế sơ đồ Điện công nghiệp (-)
7	KD5505249	TH Điều khiển điện khí nén	0	1	0	1	Truyền động điện (-)
8	KD5505068	TH Điều khiển logic	0	2	0	2	Điều khiển logic (-)
9	KD5505085	TH Vi điều khiển	0	2	0	2	Kỹ thuật vi điều khiển (-)
10	KD5505013	Điều khiển ghép nối thiết bị ngoại vi	2	0	0	2	TH Vi điều khiển (-)
11	KD5505019	Đồ án điều khiển logic	0	0	2	2	TH Điều khiển logic (-)
12	KD5505026	Đồ án Vi điều khiển	0	0	2	2	TH Vi điều khiển (-)
13	KD5505332	Học kỳ doanh nghiệp TĐH	0	0	3	3	Điều khiển logic (-) Kỹ thuật vi điều khiển (-)
14	KD5505339	TH Mạng TTCN & Hệ SCADA	0	2	0	2	Mạng T. thông C. nghiệp & Hệ SCADA (-)
15	KD5505336	TH Thiết kế sơ đồ Điện công nghiệp	0	2	0	2	Lý thuyết mạch I (-)
16	KD5502010	Đổi mới, sáng tạo, khởi nghiệp	2	0	0	2	
17	KD5502009	Kỹ năng lãnh đạo, quản lý	2	0	0	2	
18	KD5505312	Quản lý dự án chuyên ngành	2	0	0	2	Đồ án Điều khiển logic (-), Đồ án vi điều khiển (-)
19	KD5505314	Đồ án tốt nghiệp Kỹ sư	0	0	12	12	Đồ án vi điều khiển (-), Đồ án điều khiển logic (-) Thực tập Tốt nghiệp Kỹ sư (+)

20	KD5505358	Thực tập Tốt nghiệp Kỹ sư	0	0	5	5	Học kỳ doanh nghiệp TĐH (-)
Tổng số tín chỉ tích lũy học phần chuyên ngành bắt buộc							55
2.3. Các học phần chuyên ngành – tự chọn bắt buộc							
1	KD5505316	Điều khiển dự báo theo mô hình	2	0	0	2	Kỹ thuật điều khiển nâng cao (+)
2	KD5505319	Điều khiển quá trình	2	0	0	2	Kỹ thuật điều khiển tự động (-)
3	KD5505015	Điều khiển số	2	0	0	2	Kỹ thuật điều khiển tự động (-)
4	KD5505315	Điều khiển thông minh	2	0	0	2	Kỹ thuật điều khiển tự động (-)
5	KD5505016	Điều khiển truyền động điện	2	0	0	2	Truyền động điện (-)
6	KD5505040	Kỹ thuật điều khiển nâng cao	2	0	0	2	Kỹ thuật điều khiển tự động (-)
7	KD5505057	Mô hình hóa và mô phỏng trên máy tính	2	0	0	2	Kỹ thuật điều khiển tự động (-)
8	KD5505318	TH Điều khiển ghép nối thiết bị ngoại vi	0	2	0	2	Điều khiển ghép nối thiết bị ngoại vi (-)
9	KD5505317	TH kỹ thuật robot	0	2	0	2	Kỹ thuật robot (+)
Tổng số tín chỉ tích lũy HP chuyên ngành tự chọn bắt buộc							10
Tổng số tín chỉ phải tích lũy phần giáo dục chuyên nghiệp							114
Tổng số							159

2.2. Ma trận đáp ứng giữa các học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

TT	Tên học phần	Mã học phần	Chuẩn đầu ra của CTĐT								
			PL O1	PL O2	PL O3	PL O4	PL O5	PL O6	PL O7	PL O8	PL O9
1	Giáo dục thể chất I	KD5 0130 01					I				
2	Nhập môn ngành KTĐK	KD5 5053	I						I	I	I

		04									
19	Tiếng Anh A2.2	KD5 4130 09							I		
20	Triết học Mác- Lênin	KD5 2090 05	I				I				
21	Giáo dục quốc phòng	KD5 5020 01					I				
22	Giáo dục thể chất III	KD5 0130 03					I				
23	An toàn điện	KD5 5050 01			R	R	R			I	
24	Đo lường điện - điện tử	KD5 5050 27	I	I						I	
25	Kỹ thuật xung số	KD5 5050 48	R			R					
26	Cơ sở lý thuyết mạch II	KD5 5053 71	R		R						
27	Máy điện I	KD5 5050 55	R		R	R					
28	TH Điện tử	KD5 5050 66		I	R				R	R	
29	TN mạch điện	KD5 5051 02		R						R	
30	Tiếng Anh A2.3	KD5 4130 10							I		
31	Toán chuyên ngành	KD5 5051 08	R	R							
32	Giáo dục thể chất IV	KD5 0130 04					I				
33	Tin học ứng dụng	KD5 5053 11	R	R	M						
34	Điện tử công suất	KD5 5050	R	R	R						

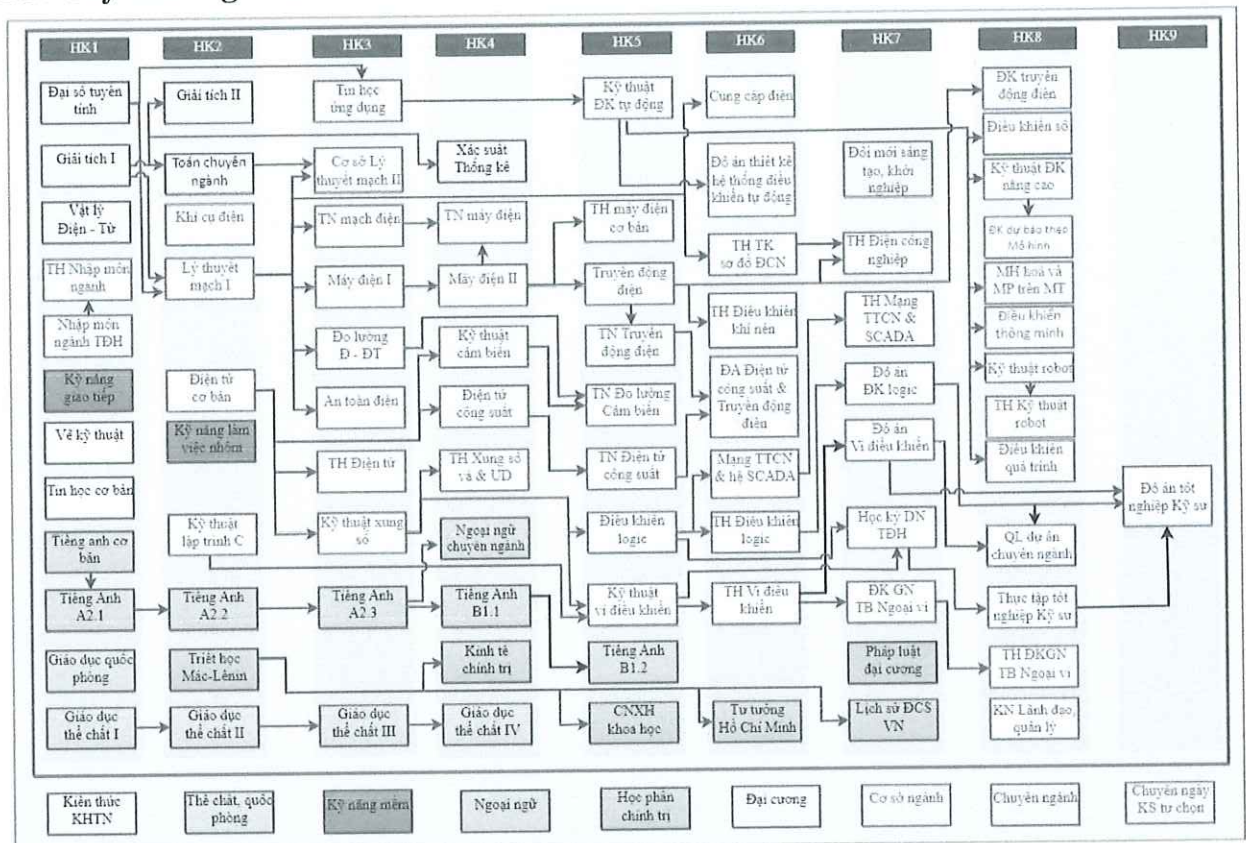
		11									
35	Kỹ thuật cảm biến	KD5 5050 35	M								
36	Máy điện II	KD5 5050 56	M		R	M					
37	TH Xung số & ứng dụng	KD5 5050 86		R	R				M	M	
38	TN Máy điện	KD5 5051 05		R					M	M	
39	Kinh tế chính trị	KD5 2090 06	I				I				
40	Ngoại ngữ chuyên ngành	KD5 5053 10						R		M	
41	Xác suất Thống kê	KD5 3190 05	I								
42	Điều khiển logic	KD5 5050 14	M	M				M			
43	Kỹ thuật vi điều khiển	KD5 5050 46	M	M	R						
44	Cung cấp điện	KD5 5050 06	M				M				
45	TH máy điện cơ bản	KD5 5053 72		R	R	R			R	R	
46	TN Điện tử công suất	KD5 5050 99		R	R				R	R	
47	TN Đo lường và Cảm biến	KD5 5051 00		R			R		R	R	
48	TN Truyền động điện	KD5 5051 07		R					R	R	
49	Truyền động điện	KD5 5051 11	R								
50	Chủ nghĩa xã hội khoa học	KD5 2090	I				I				

		07									
51	Mạng T. thông C. nghiệp & Hệ SCADA	KD5 5050 53	M	M				M			
52	TH điện công nghiệp	KD5 5050 91		M	M				M	M	
53	TH Điều khiển điện khí nén	KD5 5052 49		R	R	R			R	R	
54	TH Điều khiển logic	KD5 5050 68		M	M	M			M	M	
55	TH Vi điều khiển	KD5 5050 85		M	M	M			M	M	
56	Đồ án Điện tử công suất và truyền động điện	KD5 5053 73		M	M		M	M	M	M	
57	Đồ án thiết kế hệ thống điều khiển tự động	KD5 5053 74		M	M		M	M	M	M	
58	Kỹ thuật điều khiển tự động	KD5 5050 41	R					R			
59	Tư tưởng Hồ Chí Minh	KD5 2090 04	I				I				
60	Tiếng Anh B1.1	KD5 4130 11							R		
61	Điều khiển ghép nối thiết bị ngoại vi	KD5 5050 13	M	M				M	M		
62	Đồ án điều khiển logic	KD5 5050 19	M		M	M		M		M	
63	Đồ án Vi điều khiển	KD5 5050 26	M		M	M		M		M	
64	Học kỳ doanh nghiệp TĐH	KD5 5053 32					R		R		R
65	TH Mạng TTCN & Hệ SCADA	KD5 5053 39		M	M			M	M	M	

66	TH Thiết kế sơ đồ Điện công nghiệp	KD5 5053 36	M		M				M		
67	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	KD5 2090 08	I				I				
68	Pháp luật đại cương	KD5 2110 05	I				I				
69	Tiếng Anh B1.2	KD5 4130 12							R		
70	Đổi mới, sáng tạo, khởi nghiệp	KD5 5020 10							R	R	M
71	Kỹ năng lãnh đạo, quản lý	KD5 5020 09							R	R	M
72	Quản lý dự án chuyên ngành	KD5 5053 12									M
73	Điều khiển dự báo theo mô hình	KD5 5053 16	M		M						
74	Điều khiển quá trình	KD5 5053 19	M		M						
75	Điều khiển số	KD5 5050 15	M		M						
76	Điều khiển thông minh	KD5 5053 15	M		M						
77	Điều khiển truyền động điện	KD5 5050 16	M		M						
78	Kỹ thuật điều khiển nâng cao	KD5 0504 0	M							M	
79	Kỹ thuật Robot	KD5 5050 44	M							M	
80	Mô hình hóa và mô phỏng trên máy tính	KD5 5050 57	M		M						
81	TH Điều khiển ghép nối thiết bị ngoại vi	KD5 5053 18		M	M			M		M	

82	TH kỹ thuật robot	KD5 5053 17		M				M		M	
83	Thực tập Tốt nghiệp Kỹ sư	KD5 5053 58			M	M	M	M	M	M	
84	Đồ án tốt nghiệp Kỹ sư	KD5 5053 14	M		M	M	M	M	M	M	M

2.3. Cây chương trình



2.4. Kế hoạch đào tạo

Học kỳ	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại học phần
1	KD5013001	Giáo dục thể chất I	1	Học phần bắt buộc - chứng chỉ
	KD5505334	Nhập môn ngành KTĐK & TĐH	2	Học phần bắt buộc - cơ sở
	KD5505078	TH nhập môn ngành KTĐK & TĐH	1	Học phần bắt buộc - cơ sở
	KD5319001	Đại số tuyến tính	2	Học phần bắt buộc - đại cương
	KD5319002	Giải tích I	3	Học phần bắt buộc - đại cương
	KD5413008	Tiếng Anh A2.1	3	Học phần bắt buộc - đại cương
	KD5505251	Tin học cơ bản	2	Học phần bắt buộc - đại cương
	KD5305004	Vật Lý Điện - Từ	2	Học phần bắt buộc - đại cương

Học kỳ	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại học phần
	KD5504085	Vẽ kỹ thuật	2	Học phần bắt buộc - đại cương
	KD5413007	Tiếng anh cơ bản	3	Học phần tự chọn tự do
	KD5502003	Kỹ năng giao tiếp	1	Học phần bắt buộc - đại cương
	KD5502001	Giáo dục quốc phòng	4	Học phần bắt buộc - chứng chỉ
2	KD5013002	Giáo dục thể chất II	1	Học phần bắt buộc - chứng chỉ
	KD5505335	Kỹ thuật lập trình C	2	Học phần bắt buộc - chuyên ngành
	KD5505010	Điện tử cơ bản	3	Học phần bắt buộc - cơ sở
	KD5505033	Khí cụ điện	2	Học phần bắt buộc - cơ sở
	KD5505050	Lý thuyết mạch I	2	Học phần bắt buộc - cơ sở
	KD5319003	Giải tích II	2	Học phần bắt buộc - đại cương
	KD5502004	Kỹ năng làm việc nhóm	1	Học phần bắt buộc - đại cương
	KD5413009	Tiếng Anh A2.2	2	Học phần bắt buộc - đại cương
	KD5209005	Triết học Mác-Lênin	3	Học phần bắt buộc - đại cương
	KD5505108	Toán chuyên ngành	2	Học phần bắt buộc - đại cương
3	KD5013003	Giáo dục thể chất III	1	Học phần bắt buộc - chứng chỉ
	KD5505001	An toàn điện	1	Học phần bắt buộc - cơ sở
	KD5505027	Đo lường điện - điện tử	2	Học phần bắt buộc - cơ sở
	KD5505048	Kỹ thuật xung số	3	Học phần bắt buộc - cơ sở
	KD5505371	Cơ sở lý thuyết mạch II	2	Học phần bắt buộc - cơ sở
	KD5505055	Máy điện I	2	Học phần bắt buộc - cơ sở
	KD5505066	TH Điện tử	2	Học phần bắt buộc - cơ sở
	KD5505102	TN mạch điện	1	Học phần bắt buộc - cơ sở
	KD5413010	Tiếng Anh A2.3	2	Học phần bắt buộc - đại cương
	KD5505311	Tin học ứng dụng	2	Học phần bắt buộc - chuyên ngành
4	KD5013004	Giáo dục thể chất IV	1	Học phần bắt buộc - chứng chỉ
	KD5505011	Điện tử công suất	3	Học phần bắt buộc - cơ sở
	KD5505035	Kỹ thuật cảm biến	2	Học phần bắt buộc - cơ sở
	KD5505056	Máy điện II	2	Học phần bắt buộc - cơ sở
	KD5505086	TH Xung số & ứng dụng	2	Học phần bắt buộc - cơ sở
	KD5505105	TN Máy điện	1	Học phần bắt buộc - cơ sở
	KD5209006	Kinh tế chính trị	2	Học phần bắt buộc - đại cương
	KD5413011	Tiếng Anh B1.1	2	Học phần bắt buộc - đại cương
	KD5505310	Ngoại ngữ chuyên ngành	2	Học phần bắt buộc - đại cương
	KD5319005	Xác suất Thống kê	2	Học phần bắt buộc - đại cương
5	KD5505014	Điều khiển logic	3	Học phần bắt buộc - chuyên ngành
	KD5505046	Kỹ thuật vi điều khiển	3	Học phần bắt buộc - chuyên ngành
	KD5505041	Kỹ thuật điều khiển tự động	2	Học phần bắt buộc - cơ sở
	KD5505372	TH máy điện cơ bản	1	Học phần bắt buộc - cơ sở
	KD5413012	Tiếng Anh B1.2	2	Học phần bắt buộc - đại cương
	KD5505099	TN Điện tử công suất	1	Học phần bắt buộc - cơ sở
	KD5505100	TN Đo lường và Cảm biến	1	Học phần bắt buộc - cơ sở
	KD5505107	TN Truyền động điện	1	Học phần bắt buộc - cơ sở

Học kỳ	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại học phần
	KD5505111	Truyền động điện	2	Học phần bắt buộc - cơ sở
	KD5209007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Học phần bắt buộc - đại cương
6	KD5505053	Mạng T. thông C. nghiệp & Hệ SCADA	2	Học phần bắt buộc - chuyên ngành
	KD5505091	TH Thiết kế sơ đồ Điện công nghiệp	2	Học phần bắt buộc - chuyên ngành
	KD5505249	TH Điều khiển điện khí nén	1	Học phần bắt buộc - chuyên ngành
	KD5505068	TH Điều khiển logic	2	Học phần bắt buộc - chuyên ngành
	KD5505085	TH Vi điều khiển	2	Học phần bắt buộc - chuyên ngành
	KD5505373	Đồ án Điện tử công suất và truyền động điện	2	Học phần bắt buộc - cơ sở
	KD5505374	Đồ án thiết kế hệ thống điều khiển tự động	2	Học phần bắt buộc - cơ sở
	KD5505006	Cung cấp điện	2	Học phần bắt buộc - cơ sở
	KD5209004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Học phần bắt buộc - đại cương
7	KD5505019	Đồ án điều khiển logic	2	Học phần bắt buộc - chuyên ngành
	KD5505026	Đồ án Vi điều khiển	2	Học phần bắt buộc - chuyên ngành
	KD5505332	Học kỳ doanh nghiệp TĐH	3	Học phần bắt buộc - chuyên ngành
	KD5505339	TH Mạng TTCN & Hệ SCADA	2	Học phần bắt buộc - chuyên ngành
	KD5505336	TH điện công nghiệp	2	Học phần bắt buộc - chuyên ngành
	KD5209008	Lịch sử Đảng Công sản Việt Nam	2	Học phần bắt buộc - đại cương
	KD5211005	Pháp luật đại cương	2	Học phần bắt buộc - đại cương
	KD5502010	Đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp	2	Học phần bắt buộc - chuyên ngành
8	KD5505013	Điều khiển ghép nối thiết bị ngoại vi	2	Học phần bắt buộc - chuyên ngành
	KD5502009	Kỹ năng lãnh đạo, quản lý	2	Học phần bắt buộc - chuyên ngành
	KD5505312	Quản lý dự án chuyên ngành	2	Học phần bắt buộc - chuyên ngành
	KD5505316	Điều khiển dự báo theo mô hình	2	Học phần tự chọn bắt buộc - chuyên ngành
	KD5505319	Điều khiển quá trình	2	Học phần tự chọn bắt buộc - chuyên ngành
	KD5505015	Điều khiển số	2	Học phần tự chọn bắt buộc - chuyên ngành
	KD5505315	Điều khiển thông minh	2	Học phần tự chọn bắt buộc - chuyên ngành
	KD5505016	Điều khiển truyền động điện	2	Học phần tự chọn bắt buộc - chuyên ngành
	KD5505040	Kỹ thuật điều khiển nâng cao	2	Học phần tự chọn bắt buộc - chuyên ngành
	KD5505044	Kỹ thuật Robot	2	Học phần bắt buộc - cơ sở
	KD5505057	Mô hình hóa và mô phỏng trên máy tính	2	Học phần tự chọn bắt buộc - chuyên ngành

Học kỳ	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại học phần
	KD5505318	TH Điều khiển ghép nối thiết bị ngoại vi	2	Học phần tự chọn bắt buộc - chuyên ngành
	KD5505317	TH kỹ thuật robot	2	Học phần tự chọn bắt buộc - chuyên ngành
	KD5505358	Thực tập Tốt nghiệp Kỹ sư	5	Học phần bắt buộc - chuyên ngành
9	KD5505314	Đồ án tốt nghiệp Kỹ sư	12	Học phần bắt buộc - chuyên ngành

2.5. Mô tả tóm tắt các học phần

Nhập môn ngành TĐH

Giới thiệu và định hướng về nghề nghiệp cho sinh viên ngành KTĐK & TĐH. Tư vấn công việc và địa chỉ mà sinh viên có thể tham gia tuyển dụng sau khi tốt nghiệp. Giới thiệu tổng quan về chuyên ngành KTĐK & TĐH.

TH Nhập môn ngành TĐH

Giúp sinh viên làm quen với thiết bị tự động hóa, các thiết bị và phần mềm lập trình điều khiển. Sinh viên có thể lắp ráp mô hình đơn giản và lập trình điều khiển theo một chủ đề nào đó.

Tư duy thiết kế

Học phần này trang bị cho các em sinh viên những kiến thức cơ bản về tư duy thiết kế. Sinh viên cũng được trang bị các công cụ và quy trình để thúc đẩy tư duy thiết kế: kỹ thuật và kinh nghiệm về nhận định vấn đề cần giải quyết, xây dựng và chọn lựa ý tưởng, thiết kế một nguyên mẫu theo ý tưởng đã chọn lọc.

Lý thuyết mạch I

Giới thiệu các khái niệm và định luật cơ bản về mạch điện. Phân tích mạch ở chế độ xác lập điều hòa. Nghiên cứu mạng một cửa (hai cực), hai cửa (bốn cực) và mạch điện ba pha.

Cơ sở lý thuyết mạch II

Các khái niệm cơ bản về mạch điện phi tuyến và các phương pháp giải, các khái niệm về quá trình quá độ và các phương pháp giải, các khái niệm về mạch thông số rải và các phương pháp giải.

TN Mạch điện

Giúp sinh viên hệ thống lại kiến thức về môn Mạch điện. Thông qua các bài thí nghiệm, sinh viên sẽ hiểu sâu và nắm vững kiến thức môn học: nắm được các thông số của mạch điện; kiểm nghiệm lại các công thức và các định luật trong mạch điện; hiểu được sự ảnh hưởng của các yếu tố khác nhau đến sự hoạt động của mạch điện.

Máy điện 1

Nghiên cứu các kiến thức chung về máy điện, về cấu tạo, nguyên lý làm việc máy biến áp và máy điện không đồng bộ. Dựa vào các định luật vật lý viết hệ phương trình mô tả sự làm việc của máy điện, từ đó thiết lập mạch điện thay thế, tính toán các quá trình năng

lượng, đặc tính làm việc, nghiên cứu khai thác, sử dụng máy biến áp và máy điện không đồng bộ theo yêu cầu cụ thể.

Máy điện 2

Nghiên cứu về cấu tạo, nguyên lý làm việc máy điện đồng bộ và máy điện một chiều. Dựa vào các định luật vật lý viết hệ phương trình mô tả sự làm việc của máy điện, từ đó thiết lập mạch điện thay thế, tính toán các quá trình năng lượng, đặc tính làm việc, nghiên cứu khai thác, sử dụng máy điện đồng bộ và máy điện một chiều theo yêu cầu cụ thể.

TN Máy điện

Giúp sinh viên hệ thống lại kiến thức về môn học Máy điện. Thông qua các bài TN, sinh viên sẽ hiểu sâu và nắm vững kiến thức môn học. Hiểu rõ về cấu tạo, nguyên lý làm việc và phương pháp vận hành các loại máy điện. Xây dựng được các đường đặc tính của các loại máy điện cơ bản. Lấy được các thông số làm việc của các loại máy điện. Tính toán được các thông số ảnh hưởng đến sự hoạt động của các loại máy điện. Nắm bắt một cách trực quan kết quả TN bằng máy tính.

TH máy điện cơ bản

Học phần này giúp sinh viên nắm được cấu tạo của dây quấn máy điện, từ đó thiết lập được các sơ đồ dây quấn cơ bản của động cơ điện xoay chiều. Thực hiện tính toán và sửa chữa dây quấn.

Điện tử cơ bản

Môn học Điện tử cơ bản nhằm cung cấp toàn bộ nội dung về cấu tạo, nguyên lý hoạt động, các thông số, cách nhận biết các linh kiện điện tử và các mạch điện tử ứng dụng cơ bản như mạch khuếch đại, mạch tạo dao động, một số mạch xung-số và các mạch nguồn ổn áp. Ngoài ra môn học này còn trình bày các mạch điện tử ứng dụng sử dụng UJT, SCR trong các mạch điều khiển nhiệt độ, nghịch lưu, biến tần, điều khiển và ổn định tốc độ động cơ, nung nóng cao tần, các loại nguồn ổn áp đang được sử dụng trong công nghiệp.

TH điện tử

Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên những kỹ năng nghề cơ bản ban đầu mới bước vào lĩnh vực TH điện tử. Qua học phần này sinh viên phải làm được những việc cụ thể là: nhận dạng, kiểm tra, sử dụng được hết các linh kiện điện tử như điện trở, tụ điện, các linh kiện bán dẫn.... Sử dụng được các dụng cụ chuyên dùng cho TH, hàn và tháo linh kiện, kỹ thuật làm mạch in và lắp ráp đo thử một số mạch đơn giản.

Kỹ thuật xung số

Các chủ đề trọng tâm của học phần: khái niệm cơ bản về tín hiệu xung, mạch biến đổi dạng xung, khoa điện tử, dao động tạo xung, hệ thống số đếm, đại số Boolean và các phương pháp biểu diễn- tối thiểu hàm Boolean, các cổng logic cơ bản, hệ logic tổ hợp và hệ logic tuần tự.

TH xung số và ứng dụng

TH Kỹ thuật xung số giúp sinh viên hệ thống hóa lại các kiến thức đã được học trong các học phần Kỹ thuật xung số. Nội dung của học phần gồm các bài TH khảo sát hoạt động

và các thông số kỹ thuật của các mạch tạo xung, các mạch số. Thực hiện các bài tập lập trình và xử lý chương trình trên vi xử lý.

Điện tử công suất

Các khái niệm cơ bản. Linh kiện bán dẫn và điện tử. Các bộ chỉnh lưu. Các bộ nghịch lưu và biến tần. Các bộ biến đổi và biến tần trực tiếp. Các bộ biến đổi một chiều kiểu băm xung. Các bộ bù $\cos\phi$.

TN Điện tử công suất

Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức thực nghiệm và kiểm chứng lý thuyết về các linh kiện điện tử công suất, các bộ biến đổi điện tử công suất như: bộ chỉnh lưu, bộ biến đổi điện áp một chiều, bộ biến đổi điện áp xoay chiều, bộ nghịch lưu. Thông qua các bài TN, sinh viên có khả năng đọc sơ đồ nguyên lý, lắp ráp mạch, kiểm tra và phân tích hoạt động của các mạch điện tử công suất.

Truyền động điện

Những nguyên tắc xây dựng hệ điều khiển truyền động điện. Mô hình toán học trong hệ điều khiển truyền động điện. Các phương pháp phân tích và tổng hợp hệ điều khiển truyền động điện. Phân tích và tổng hợp hệ điều khiển truyền động điện động cơ một chiều và động cơ không đồng bộ. Điều khiển vectơ động cơ không đồng bộ.

TN Truyền động điện

Phương pháp điều khiển và khởi động động cơ điện một chiều xoay chiều công suất lớn, xây dựng đặc tính cơ và đặc tính cơ điện, điều khiển động cơ không đồng bộ dùng biến tần.

Đồ án Điện tử công suất và truyền động điện

Phân tích các dạng đặc tính tải, tính chọn công suất động cơ truyền động phù hợp ở các chế độ làm việc khác nhau của tải. Từ đó thiết kế, tính toán, mô phỏng, kiểm tra và vận hành các mạch biến đổi công suất cơ bản để cấp nguồn cho các động cơ trên.

Kỹ thuật điều khiển tự động

Nhập môn lý thuyết điều khiển: Nhiệm vụ của lý thuyết điều khiển. Mô tả tín hiệu; điều khiển hệ một vào, một ra (SISO) liên tục tuyến tính: mô tả hệ thống. Phân tích hệ thống. Xác định tham số cho bộ điều khiển PID. Hướng dẫn sử dụng MATLAB Control Toolbox và Simulink Toolbox; Điều khiển hệ một vào - một ra (SISO) không liên tục, tuyến tính: Mô tả tín hiệu. Mô tả hệ thống. Phân tích hệ thống. Xác định tham số cho bộ điều khiển PID số. Hướng dẫn sử dụng MATLAB Control Toolbox và Simulink Toolbox.

Đồ án thiết kế hệ thống điều khiển tự động

Xây dựng mô hình toán học cho một hệ thống thực tế. Tính toán, thiết kế bộ điều khiển dựa trên mô hình toán học. Tiến hành mô phỏng và thực nghiệm thuật toán điều khiển đã đề ra. Phân tích và đánh giá chất lượng hệ thống điều khiển

Đo lường điện – điện tử

Giới thiệu cơ sở lý thuyết của kỹ thuật đo lường; các khái niệm cơ bản và định nghĩa, mạch đo và thiết bị đo, đo lường những đại lượng điện (dòng điện, điện áp, công suất, điện

năng, góc pha, tần số...), đo thông số của mạch điện. Các nguyên lý và phương pháp đo lường tín hiệu điện tử bằng các thiết bị đo điện tử

TN đo lường và cảm biến

Thí nghiệm đo lường các đại lượng: độ dịch chuyển, góc, tốc độ; đo RLC dựa trên các mạch cầu và phương pháp trở kháng. Thí nghiệm với các cảm biến tiệm cận điện cảm, cảm biến từ trường, cảm biến sợi quang và cảm biến điện tử, cảm biến điện dung, cảm biến điện cảm tương tự, cảm biến siêu âm.

An toàn điện

Cung cấp kiến thức lý thuyết cơ bản về an toàn điện và các biện pháp đảm bảo an toàn cho người khỏi điện giật, cách tính toán dòng điện qua người trong các điều kiện khác nhau khi tiếp xúc với mạch điện và các chế độ, chính sách về an toàn điện.

Cung cấp điện

Trình bày các kiến thức về cung cấp điện xí nghiệp công nghiệp, các phương pháp tính toán kinh tế-kỹ thuật, phương pháp xác định phụ tải điện, tính toán tổn thất điện năng và phương pháp tính toán hệ thống cung cấp điện cho các xí nghiệp công nghiệp, nhà cao tầng và các công trình đô thị.

Khí cụ điện

Giới thiệu cơ sở lý thuyết về khí cụ điện: giới thiệu chung, lực điện động trong khí cụ điện, sự phát nóng trong khí cụ điện, hồ quang điện, tiếp xúc điện,... Giới thiệu các khí cụ điện được sử dụng trong hệ thống phân phối điện năng, hệ thống điều khiển, hệ thống điện hạ áp.

Điều khiển logic

Lý thuyết cơ sở. Mạch tổ hợp và mạch trình tự. Bộ điều khiển lập trình PLC. Phương pháp lập trình PLC. Ngôn ngữ lập trình LADDER. Kỹ thuật lập trình điều khiển trình tự. Các chức năng chuyên dụng trên PLC. Những ứng dụng của PLC. Lựa chọn, lắp đặt, kiểm tra và bảo trì hệ thống PLC

Điều khiển truyền động điện

Giới thiệu các khái niệm về điều khiển tự động trong hệ thống truyền động điện, các phần tử tự động và tìm hiểu phương pháp, sơ đồ tự động điều khiển các loại động cơ điện không đồng bộ, động cơ điện đồng bộ và động cơ điện một chiều.

Đồ án điều khiển logic

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản để thiết kế một hệ thống PLC. Sinh viên có thể tự đưa ra ý tưởng thiết kế mạch điều khiển, mạch động lực, xây dựng thuật toán và viết chương trình điều khiển. Thực hiện mô phỏng hệ thống điều khiển PLC bằng một số phần mềm thông dụng.

Đồ án tốt nghiệp Kỹ sư

Vận dụng các kiến thức đã được học, SV thực hiện việc nghiên cứu một hệ thống điều khiển và tự động hóa, tính toán và xây dựng một mô hình hệ thống tự động hóa có thể phát triển, ứng dụng vào thực tế đời sống và sản xuất công nghiệp hoặc nghiên cứu một hệ thống tự động hóa trong thực tế.

Học kỳ doanh nghiệp

Sinh viên thực tập tại một cơ sở sản xuất, làm quen và thực hiện các công việc của một người cán bộ kỹ thuật chuyên ngành Điện công nghiệp. Kết quả thực tập được đánh giá bởi cán bộ tại cơ sở sản xuất và giáo viên hướng dẫn theo đề cương chi tiết được thông qua trước khi thực hiện học kỳ doanh nghiệp.

Kỹ thuật cảm biến

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nguyên lý cấu tạo, cơ chế hoạt động, các thông số, phạm vi ứng dụng của cảm biến và cơ cấu chấp hành. Trang bị những kiến thức cơ bản cho sinh viên nhằm tạo cơ sở để lựa chọn cảm biến trong thiết kế các hệ thống tự động hóa trong điện công nghiệp

Kỹ thuật Robot

Môn học Trang bị cho sinh viên chuyên ngành điện kiến thức cơ bản về Robot trong công nghiệp. Trình bày các kiến thức căn bản về lý thuyết, cấu trúc và cơ cấu động học của Robot. - Ngoài ra còn nghiên cứu cơ sở điều khiển và hệ thống điều khiển Robot, các ứng dụng của Robot trong công nghiệp.

Kỹ thuật vi điều khiển

Môn học sẽ cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về kiến trúc cơ bản của một hệ thống sử dụng Vi xử lý, kiến thức cơ bản cấu trúc bên trong của hệ thống Vi điều khiển, ứng dụng Vi điều khiển trong thực tế. Với môn học này chọn họ Vi điều khiển MCS – 51 (8051) làm nội dung để cung cấp sinh viên hiểu cách lập trình và ứng dụng của VĐK qua các chức năng của nó. Kết thúc môn học, sinh viên có đủ kiến thức để thiết kế các hệ thống nhúng dựa trên Vi điều khiển 8051, và viết chương trình cho hoạt động của nó.

TH điều khiển logic

Giúp cho sinh viên nắm vững cấu tạo của các loại PLC trong công nghiệp, các họ PLC S7 – 200, S7 – 300 của SIEMENS, sinh viên có thể tiếp cận các thiết bị, đấu nối với các thiết bị, tìm hiểu các ngôn ngữ lập trình STL, FBD, LAD và hoàn chỉnh các bài thực hành theo yêu cầu đề ra, cũng như giải quyết các bài toán ứng dụng PLC trong sản xuất tự động, tự thiết kế chương trình và lập trình điều khiển các mô hình ứng dụng PLC trong công nghiệp.

Đồ án điều khiển logic

Học phần này giúp sinh viên hệ thống hóa lại các kiến thức đã học ở HP điều khiển logic, rèn luyện kỹ năng lập trình PLC, thiết kế mô hình và lập trình điều khiển mô hình theo một yêu cầu công nghệ nào đó.

TH điện công nghiệp

Học phần thực hành điện công nghiệp giúp sinh viên hiểu biết cấu tạo và đặc điểm của các loại mạch điều khiển trong các máy công cụ. Biết các nguyên tắc lắp đặt các mạch điều khiển cơ bản, sửa chữa và lắp đặt được các mạch điều khiển thường gặp trong các máy sản xuất.

TH vi điều khiển



Cung cấp kiến thức về các mạch điện và phần mềm hỗ trợ; thực hành với các lệnh điều khiển động cơ – đèn; điều khiển dãy led đơn; điều khiển led 7 đoạn đơn giản; tạo ứng dụng đồng hồ số bằng led 7 đoạn; điều khiển led ma trận; sử dụng thành thạo các ngắt của vi điều khiển để lập trình giả lập đa tác vụ.

Đồ án vi điều khiển

Học phần nhằm củng cố kiến thức về vi điều khiển, rèn luyện kỹ năng lập trình, lập trình ứng dụng cho vi điều khiển. Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng hiện thực hóa các ứng dụng vi điều khiển từ các khâu thiết kế nguyên lý, mô phỏng chương trình, thiết kế mạch in và lắp ráp tạo ra sản phẩm ứng dụng vi điều khiển.

Điều khiển ghép nối thiết bị ngoại vi

Môn học cung cấp các kiến thức cơ sở về kỹ thuật ghép nối thiết bị ngoại vi: ghép nối và điều khiển qua cổng song song LPT, thiết kế card giao tiếp máy tính, ghép nối qua cổng RS232 và thiết kế giao tiếp với vi điều khiển.

TH Thiết kế sơ đồ Điện công nghiệp

Học phần này trình bày một số quy định về bản vẽ sơ đồ điện, giới thiệu và hướng dẫn cách đọc các sơ đồ điện. Giới thiệu và ứng dụng phần mềm Autocad để vẽ các sơ đồ trong hệ thống cung cấp điện.

Mạng T. thông C. nghiệp & Hệ SCADA

Môn học này trang bị cho người học các nội dung về các kỹ thuật truyền số liệu, dồn kênh, tách kênh, kỹ thuật sửa sai, điều khiển luồng và áp dụng vào mạng PLC như mạng CAN, Profibus, mạng AS-I; cấu trúc kết nối mạng, tiêu chuẩn, nghi thức hoạt động của các hệ thống thiết bị điều khiển lập trình nối mạng. Các thành phần của hệ thống SCADA trong hệ thống tự động hóa; Hệ thống các thiết bị chấp hành; Các thiết bị vào ra đầu cuối từ xa RTU (Remote Terminal Units) hoặc là các khối điều khiển logic khả trình PLC (Programmable Logic Controllers), Trạm điều khiển giám sát trung tâm; Hệ thống truyền thông; Giao diện người - máy HMI; Cách thức tích hợp phần cứng, phần mềm để xây dựng một hệ thống SCADA trong thực tiễn.

TH Mạng T. thông C. nghiệp & Hệ SCADA

Học phần này nhằm củng cố kiến thức của HP Mạng T. thông C. nghiệp & Hệ SCADA, thực hành kết nối mạng PLC như mạng CAN, Profibus, mạng AS-I. Thực hành giao diện người – máy (HMI).

Điều khiển số

Môn học cung cấp các kiến thức về biến đổi z, mô hình hoá hệ thống điều khiển số, phân tích tính ổn định của hệ thống điều khiển số, phân tích chất lượng của hệ thống điều khiển số, thiết kế hệ thống điều khiển số.

Mô hình hóa và mô phỏng trên máy tính

Môn học này trang bị cho người học các nội dung mô hình toán các phần tử của mạch điện, mô hình chế độ, các hệ thống tự động và trình tự mô phỏng các trạng thái quá độ của hệ thống tự động; giới thiệu các phần mềm mô phỏng và các ứng dụng chuyên ngành.

Thiết bị và Hệ thống tự động

Cung cấp kiến thức cơ sở về thiết bị và hệ thống tự động trong công nghiệp, các loại cảm biến cơ bản trong công nghiệp; các mạch xử lý tín hiệu đo; các thiết bị công suất và chấp hành thông dụng; các bộ điều khiển cơ bản trong công nghiệp; các thiết bị giao tiếp người – máy; nguyên lý vận hành các hệ thống điều khiển trong công nghiệp; cung cấp phương pháp tìm kiếm, tra cứu tài liệu, catalog của thiết bị; các ví dụ và ứng dụng cụ thể về thiết bị và hệ thống tự động trong công nghiệp.

Thực tập tốt nghiệp Kỹ sư

Người học sẽ được thực tập các công việc liên quan đến lĩnh vực Kỹ thuật điều khiển & Tự động hóa tại xưởng điện hoặc trong các cơ quan, công ty, nhà máy, xí nghiệp công nghiệp...

Lập trình ứng dụng

Học phần này cung cấp những kiến thức và kỹ năng căn bản về lập trình lập trình có cấu trúc. Kết thúc học phần sinh viên có khả năng đưa ra giải pháp và thành thạo lập trình các bài toán viết bằng ngôn ngữ lập trình C và Matlab. Đồng thời sinh viên có thể áp dụng các kiến thức đã học để hiểu, phân tích và áp dụng lập trình VĐK, lập trình nhúng, lập trình trên di động và giao tiếp máy tính. Ngoài ra sinh viên cũng được thực hành phương pháp làm việc nhóm, phương pháp thuyết trình.

III. ĐỘI NGŨ CBGD VÀ NGUỒN LỰC CƠ SỞ VẬT CHẤT ĐẢM BẢO THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

3.1. Danh sách đội ngũ giảng viên.

Các GV đảm nhiệm việc giảng dạy các HP cơ sở và chuyên ngành:

3.1.1. Danh sách các giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy

STT	Họ và tên	Chức danh/Học hàm, học vị
1	TS. Nguyễn Đức Quận	Giảng viên chính
2	TS. Phạm Thanh Phong	Giảng viên chính
3	TS. Phạm Duy Dường	Giảng viên chính
4	TS. Võ Anh Tuấn	Giảng viên
5	ThS. Cao Nguyễn Khoa Nam	Giảng viên
6	ThS. Nguyễn Tấn Hòa	Giảng viên
7	ThS. Võ Khánh Thoại	Giảng viên chính
8	ThS. Đỗ Hoàng Ngân Mi	Giảng viên
9	ThS. Dương Quang Thiện	Giảng viên chính
10	TS. Nguyễn Ngọc Hoài Ân	Giảng viên
11	ThS. Nguyễn Văn Nam	Giảng viên
12	ThS. Phan Thị Thanh Vân	Giảng viên
13	KS. Ngô Đăng Hùng	Trợ giảng
14	KS. Trần Thế Phong	Trợ giảng

3.1.2. Danh sách các giảng viên tham gia giảng dạy

STT	Họ và tên	Chức danh/Học hàm, học vị
1	PGS.TS. Nguyễn Lê Hùng	Giảng viên cao cấp

2	TS. Nguyễn Linh Nam	Giảng viên chính
3	ThS. Nguyễn Văn Thịnh	Giảng viên chính
4	TS. Trần Hoàng Vũ	Giảng viên chính
5	TS. Hoàng Dũng	Giảng viên chính
6	TS. Nguyễn Thị Khánh Hồng	Giảng viên chính
7	TS. Trương Thị Hoa	Giảng viên chính
8	ThS. Doãn Văn Đông	Giảng viên chính
9	ThS. Phạm Văn Phát	Giảng viên chính
10	ThS. Phan Ngọc Kỳ	Giảng viên
11	ThS. Trần Duy Chung	Giảng viên
12	ThS. Ngô Thị Minh Hương	Giảng viên
13	ThS. Lê Công Hân	Giảng viên
14	ThS. Trần Thanh Hà	Giảng viên
15	ThS. Lê Ngọc Quý Văn	Trợ giảng
16	ThS. Võ Thị Hương	Giảng viên
17	ThS. Phạm Thị Thảo Khương	Giảng viên
18	KS. Trương Thị Ánh Tuyết	Trợ giảng
19	TS. Ngô Đức Kiên	Giảng viên

3.2. Các thiết bị thí nghiệm thực hành - phòng thí nghiệm - lab, phòng máy tính

Cơ sở vật chất của Khoa Điện - Điện tử luôn được chú trọng đầu tư, nâng cấp và đổi mới hằng năm. Nhiều thiết bị thí nghiệm, thực hành hiện đại được trang bị từ các hãng nổi tiếng như LabVolt, Lucas-Nulle, Siemens, Texas Instrument... đáp ứng tốt các yêu cầu về giảng dạy, nghiên cứu khoa học. Hệ thống các Xưởng thực hành, Phòng thí nghiệm, Phòng máy tính của Khoa gồm:

3.2.1. Phòng thí nghiệm:

Phòng thí nghiệm Tự động hóa

Phòng thí nghiệm Hệ thống điện

Phòng thí nghiệm Máy điện

Phòng thí nghiệm Điện tử công suất

Phòng thí nghiệm Cảm biến

Phòng thí nghiệm Kỹ thuật điện tử

Phòng thí nghiệm Hệ thống nhúng và Vi điều khiển

3.2.2. Xưởng thực hành:

Xưởng thực hành Kỹ thuật điện 1

Xưởng thực hành Kỹ thuật điện 2

Xưởng thực hành Kỹ thuật điện tử

3.2.3. Phòng máy tính:

Phòng máy vi tính chuyên ngành

Phòng thực hành máy vi tính 1

Phòng thực hành máy vi tính 2

Phòng thực hành máy vi tính 3

Phòng thực hành máy vi tính 4

3.2.4. Các phương tiện phục vụ đào tạo khác của chuyên ngành

- Laptop
- Máy chiếu
- Các phần mềm chuyên ngành: Matlab, Step7, WinCC, TIAPortal
- Hệ thống thực hành SCADA
- Phòng Maker Space (không gian sáng chế)

IV. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

4.1. Hướng dẫn thực hiện chung

Tất cả các hoạt động giảng dạy, học tập và đánh giá được thực hiện phù hợp với bản đặc tả chương trình đào tạo này. Với những học phần tự chọn, tùy thuộc vào tình hình thực tế của xu thế phát triển, nhu cầu xã hội, khoa sẽ tư vấn cho sinh viên lựa chọn những học phần thích hợp.

Trường khoa chịu trách nhiệm tổ chức và hướng dẫn các nguyên tắc để phát triển đề cương chi tiết nhằm đảm bảo mục tiêu, nội dung và các yêu cầu được đáp ứng, đồng thời, thỏa mãn được nhu cầu của người học và xã hội.

Chương trình đào tạo được rà soát và cập nhật hàng năm (thường là những thay đổi nhỏ như chính sách tuyển sinh, đề cương học phần, tài liệu giảng dạy và học tập) và rà soát 2 năm một lần (chủ yếu xem xét lại chuẩn đầu ra của chương trình, thêm hoặc bỏ bớt các học phần) để đáp ứng nhu cầu của các bên có liên quan. Khoa sẽ nộp bản báo cáo cho Trường để xem xét và phê chuẩn theo quy định hiện hành.

Chương trình này là chương trình đào tạo theo tín chỉ, vì vậy:

- Giảng viên phải cung cấp chương trình chi tiết học phần kèm hình thức tổ chức dạy-học, cách thức đánh giá cho người học ngay buổi học đầu tiên. Cần lưu ý nội dung hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu đối với sinh viên để họ hoàn thành khối lượng kiến thức bài học theo yêu cầu tín chỉ (các vấn đề, các câu hỏi, bài tập, yêu cầu của giảng viên đối với các vấn đề đó).

- Người học phải tham khảo ý kiến cố vấn học tập để lựa chọn đúng học phần, biết tự tìm hiểu và xác định chương trình học tập, tự giác trong tự học, tự lên kế hoạch và lập thời gian biểu cho quá trình học tập.

4.2. Chương trình này được xây dựng theo định hướng phát triển năng lực cho người học. Vì vậy, việc thực hiện chương trình phải đảm bảo các yêu cầu:

- Tập trung vào dạy cách học và rèn luyện năng lực tự học cho người học.
- Tinh giản lý thuyết, gắn lý thuyết với thực tiễn, tăng cường thực hành, thảo luận, học tập theo nhóm.

- Cần chú ý việc vận dụng các kiến thức vào giải quyết những vấn đề cụ thể, sát thực với cuộc sống.

- Phối hợp sử dụng kết quả đánh giá trong quá trình học với đánh giá cuối học phần, đánh giá của người dạy với tự đánh giá của người học.

- Đa dạng hóa các hình thức đánh giá, tăng cường đánh giá bằng hình thức vấn đáp hoặc thông qua các hoạt động thực hành, thuyết trình và các sản phẩm như báo cáo đánh giá, báo cáo tổng kết, tiểu luận, ...

Đà Nẵng, ngày 05 tháng 9 năm 2025

BỘ MÔN

TRƯỜNG KHOA

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Phạm Thanh Phong

TS. Trần Hoàng Vũ



TS. Nguyễn Linh Nam